

TỔNG HỢP CÁC ĐỀ THI MÔN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP CÓ LỜI GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ SỐ 1:

Phần I: Lý thuyết

1. Khi mua TSCĐ về để cho thuê hoạt động thì?
2. Khi người bán tăng số ngày bán chịu cho DN thì nhu cầu VLĐ thay đổi ntn?
3. Khi đem 1 TSCĐ đi góp vốn liên doanh, DN ghi giảm TSCĐ giảm theo:
4. Khi đem 1 TSCĐ đang sử dụng cho HĐSXKD vào nhập kho dự trữ:
5. Khi số ngày luân chuyển VLĐ tăng thì:
6. Giá tính thuế GTGT của hàng hóa chịu thuế TTĐB là giá:
7. Việc phân loại TSCĐ thành TSCĐ hữu hình và vô hình thuộc về cách phân loại TSCĐ:
8. Kỳ thu tiền trung bình tăng lên (các yếu tố khác không đổi)
9. Các loại thuế phải nộp được tính vào khoản giảm trừ doanh thu gồm:
10. Tốc độ chu chuyển VLĐ phụ thuộc vào:
11. Tiền lương của nhân viên quản lý phân xưởng được tính vào:
12. Việc phân phối lợi nhuận sau thuế của cty được quyết định bởi:
13. 1 SP thuộc diện chịu thuế TTĐB khi bán ra:
14. Các loại thuế phải nộp được tính làm giảm trừ doanh thu gồm:
15. CF trả lãi vay làm giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp vì:
16. Chiết khấu thanh toán cho người mua được tính vào:
17. Yếu tố chi phí khấu hao TSCĐ bao gồm tiền khấu hao của:
18. Sản phẩm chịu thuế GTGT với thuế suất là 0% có nghĩa là:
19. Khi mua TSCĐ dùng cho phúc lợi ảnh hưởng thế nào đến nguyên giá và mức khấu hao:
20. Khi nhận góp vốn bằng TSCĐ, DN ghi nhận giá trị TS theo giá nào?
21. Khi người bán tăng số ngày cho DN nợ thì VLĐ sẽ thế nào?

Phần II: Bài tập

Câu 1: Giá thành sản xuất đơn vị sp năm KH là 9.900đ, năm KH hạ 10% so với năm báo cáo. Số lượng sản phẩm sx trong năm KH là 5.000sp. Mức hạ giá thành sản xuất của sp sản xuất năm KH so với năm BC là?

Câu 2: Giá thành toàn bộ sp tiêu thụ năm kế hoạch là 600trđ. Tỷ suất lợi nhuận giá thành năm kế hoạch là 10%. Tỷ suất lợi nhuận doanh thu thuần năm KH là?

Câu 3: Số lượng SPSX trong năm KH là 2.000 cái. Số lượng SP kết dư cuối năm là 150 cái. Giá thành sxđvsp năm KH là 27.000đ (hạ 10% so với năm BC). Mức hạ giá thành sx tiêu thụ năm KH so với năm BC là?

Câu 4: Trong năm tiêu thụ được 800sp. Giá bán đvsp (chưa có VAT) là 1trđ. Tổng CFBH và CFQLDN tính bằng 10% giá thành sản xuất sp tiêu thụ. Lợi nhuận tiêu thụ cả năm là 250trđ. Giá thành sản xuất sản phẩm tiêu thụ trong năm là?

Câu 5: DT tiêu thụ sp cả năm là 1.080trđ. Giá thành toàn bộ sp là 750trđ. Sp chịu thuế TTĐB với thuế suất 20%. LNTT là?

ĐÁP ÁN

Phần I: Lý thuyết

1. *Đáp án:* NGTSCĐ và mức trích khấu hao đều tăng
2. *Đáp án:* Giảm
3. *Đáp án:* Nguyên giá
4. *Đáp án:* Nguyên giá TSCĐ và mức trích khấu hao đều không thay đổi.
5. *Đáp án:* Tốc độ luân chuyển VLĐ giảm.
6. *Đáp án:* Đã có thuế TTĐB và chưa có VAT.
7. *Đáp án:* Theo hình thái biểu hiện và công dụng kinh tế.
8. *Đáp án:* Nhu cầu VLĐ tăng
9. *Đáp án:* Thuế TTĐB, thuế XK, VAT theo pp trực tiếp.
10. *Đáp án:* Độ dài của chu kỳ kinh doanh.
11. *Đáp án:* Chi phí sản xuất chung
12. *Đáp án:* Chủ sở hữu của DN
13. *Đáp án:* Phải chịu thuế GTGT
14. *Đáp án:* Thuế TTĐB, thuế XK, VAT theo PP trực tiếp.
15. *Đáp án:* CFLV được tính vào chi phí hợp lý của DN
16. *Đáp án:* CF hoạt động tài chính.
17. *Đáp án:* TSCĐ dùng vào sản xuất kinh doanh
18. *Đáp án:* Thuế GTGT đầu ra bằng 0
19. *Đáp án:* Nguyên giá tăng, mức khấu hao không đổi.
20. *Đáp án:* Giá trị nhận vốn góp
21. *Đáp án:* Nhu cầu VLĐ tăng.

Phần II: Bài tập

Câu 1: Giá thành sản xuất đơn vị sp năm KH là 9.900đ, năm KH hạ 10% so với năm báo cáo. Số lượng sản phẩm sx trong năm KH là 5.000sp. Mức hạ giá thành sản xuất của sp sản xuất năm KH so với năm BC là ?

Giải: Đơn vị: đ

$$Z_{sx_1} = Z_1 = 9.900$$

$$Q_{sx_1} = Q_1 = 5.000$$

$$Z_{sx_0} = Z_0 = \frac{9.900}{90\%} = 11.000$$

Mức hạ giá thành:

$$Mz = Q_1 \times (Z_1 - Z_0) = 5.000 \times (11.000 - 9.900) = -5.500.000$$

Câu 2: Giá thành toàn bộ sp tiêu thụ năm kế hoạch là 600trđ. Tỷ suất lợi nhuận giá thành năm kế hoạch là 10%. Tỷ suất lợi nhuận doanh thu thuần năm KH là?

Giải:

$$TSLNGT = \frac{LNTT}{Z_{tb}} = \frac{T_{th} - Z_{tb}}{Z_{tb}} = 10\%$$

$$\Rightarrow T_{th} = 1,1 \times Z_{tb}$$

$$TSLNDDT = \frac{T_{th} - Z_{tb}}{T_{th}} = \frac{0,1 \times Z_{tb}}{1,1 \times Z_{tb}} = 9,091\%$$

Câu 3: Số lượng SPSX trong năm KH là 2.000 cái. Số lượng SP kết dư cuối năm là 150 cái. Giá thành sx đvsp năm KH là 27.000đ (hạ 10% so với năm BC). Mức hạ giá thành sx tiêu thụ năm KH so với năm BC là:

Giải:

$$Q_t = Q_d + Q_x - Q_c = 0 + 2.000 - 150 = 1.850$$

$$Z_1 = 27.000$$

$$Z_0 = \frac{Z_1}{90\%} = 30.000$$

$$Mz = 1.850 \times (27.000 - 30.000) = -5.550.000$$

Câu 4: Trong năm tiêu thụ được 800sp. Giá bán đvsp (chưa có VAT) là 1trđ. Tổng CFBH và CFQLDN tính bằng 10% giá thành sản xuất sp tiêu thụ. Lợi nhuận tiêu thụ cả năm là 250trđ. Giá thành sản xuất sản phẩm tiêu thụ trong năm là?

Giải:

$$LNTT = T_{th} = Z_{tb} = Q_t \times G - Z_{tb}$$

$$\Leftrightarrow 250 = 800 \times 1 - Z_{tb}$$

$$\Rightarrow Z_{tb} = 550$$

$$\Rightarrow Z_{sx} = \frac{Z_{tb}}{1,1} = 500$$

Câu 5: DT tiêu thụ sp cả năm là 1.080trđ. Giá thành toàn bộ sp là 750trđ. Sp chịu thuế TTĐB với thuế suất 20%. LNTT là?

Giải:

$$LNTT = T_{th} - Z_{tb}$$

$$T_{th} = \frac{DTT}{1+TS} = \frac{1.080}{1+0,2} = 900$$

$$\Rightarrow LNTT = 900 - 750 = 150$$

www.eLib.vn

ĐỀ SỐ 2:

1. Giá trị tương lai của một khoản tiền vào cuối năm thứ năm là \$1.000. Lãi suất danh nghĩa (nominal interest rate) là 10% và tiền lãi được ghép nửa năm 1 lần. Câu nào sau đây đúng nhất?
- Giá trị hiện tại của \$1.000 cao hơn nhiều nếu lãi được ghép hàng tháng thay vì nửa năm
 - Lãi suất thực tế hằng năm (effective annual rate) lớn hơn 10%
 - Lãi suất định kỳ là 5%
 - Cả b và c đều đúng
 - Tất cả các câu trên đều đúng**
2. Gomez Electronics cần thu xếp nguồn tài trợ cho chương trình mở rộng. Ngân hàng A cho Gomez vay số vốn cần với điều khoản trả lãi hàng tháng, lãi suất niêm yết là 8%/năm. Ngân hàng B sẽ tính lãi 9% lãi trả vào cuối năm. Chênh lệch lãi suất thực tế (difference in the effective annual rates) mà hai ngân hàng tính cho công ty là bao nhiêu?
- 0,25%
 - 0,50%
 - 0,70%**
 - 1,00%
 - 1,25%
3. Giá trị hiện tại của chuỗi tiền sau đây với lãi suất chiết khấu 8%, làm tròn số theo đơn vị 1 đôla là bao nhiêu?
- | | | | | |
|--|-------|-------|-------|-------|
| 0 | 1 | 2 | 3 | 4 |
| ┌──────────┴──────────┬──────────┬──────────┬──────────┐ | | | | |
| 0 | 1.000 | 2.000 | 3.000 | 4.000 |
- \$2.500
 - \$4.804
 - \$5.302
 - \$7.962**
 - \$10.000
4. Foster Indurtric có một dự án với dòng tiền sau:
- | | | | | |
|--|-------|----------|---------|---|
| 0 | 1 | 2 | 3 | 4 |
| ┌──────────┴──────────┬──────────┬──────────┬──────────┐ | | | | |
| -\$300 | \$100 | \$125,43 | \$90,12 | ? |
- Dòng tiền dự án phải tạo ra vào năm 4 là bao nhiêu để dự án có IRR 15%?
- \$15,55
 - \$94,95
 - \$100,25
 - \$103.10**
 - 150.75
5. Bạn có một khoản vay \$175.000, thời hạn 10 năm, lãi suất danh nghĩa (nominal rate) 9%/năm. Bạn trả góp hàng tháng. Số dư nợ của bạn sau 5 năm là bao nhiêu?
- \$90.514,62
 - \$153.680,43
 - \$167.790,15
 - \$173.804,41
 - \$174.514,83
6. Byrd Lumber có 2 triệu cổ phần. Trên bảng cân đối kế toán công ty có vốn cổ phần thường là \$40 triệu. Giá thị trường của 1 cổ phiếu là \$15. Giá trị thị trường gia tăng (MVA) của công ty là bao nhiêu?
- (\$80 triệu)
 - (\$20 triệu)
 - (\$10 triệu)**
 - (\$26 triệu)
 - \$80 triệu
7. Hampshire báo cáo \$2,3 triệu lợi nhuận giữ lại trên bảng cân đối kế toán năm rồi. Năm nay, công ty bị lỗ, lãi ròng là -\$500.000. Mặc dù lỗ, năm nay công ty vẫn trả cổ tức \$1.00/cp. Lợi nhuận một cổ phiếu (EPS) năm nay là -\$2,5. Lợi nhuận giữ lại trên bảng cân đối kế toán của công ty trong năm nay là bao nhiêu?

- a. 1,2 triệu USD **b.1,6 triệu USD** c. 1,8 triệu USD
d.2,6 triệu USD e. 2,8 triệu USD
8. Một công ty không nên thực hiện những dự án đầu tư nếu nó làm tăng chi phí vốn của công ty.
a. **Đúng** b. Sai
9. Chỉ tiêu modified IRR (MIRR) luôn dẫn đến cùng một kết quả chọn lựa dự án với phương pháp NPV
a. Đúng **b. Sai**
10. Giảm tỷ suất chiết khấu sẽ làm tăng NPV, điều này có thể làm thay đổi quyết định chấp nhận/ từ bỏ 1 một án tiềm năng. Tuy nhiên, sự thay đổi như vậy không có ảnh hưởng đến IRR, do đó không ảnh hưởng đến quyết định chấp nhận/ từ bỏ dự án theo phương pháp IRR.
a. Đúng **b.Sai**
11. Khi xem xét các dự án loại trừ lẫn nhau, giám đốc tài chính nên luôn luôn chọn dự án có IRR cao nhất *miễn là các dự án có cùng vốn đầu tư ban đầu*.
a. Đúng **b. Sai**
12. Dự án A và B có cùng đời sống dự kiến và vốn đầu tư ban đầu. Tuy nhiên, một dự án có những dòng tiền lớn hơn phát sinh vào những năm trước, trong khi dự án kia những dòng tiền lớn hơn phát sinh vào những năm sau. Đồ thị của hai dự án như sau:
-
- Câu nào sau đây đúng?
- a. Dự án A có các dòng tiền nhỏ hơn ở những năm muộn hơn
b. Dự án A có các dòng tiền lớn hơn ở những năm muộn hơn
c. Chúng ta cần thông tin về chi phí vốn của dự án để quyết định dự án nào có các dòng tiền sớm lớn hơn
d. Đồ thị NPV không nhất quán với với phát biểu trong câu hỏi
e. Không câu nào ở trên đúng
13. Dự án A có suất sinh lời nội bộ (IRR) 18% trong khi dự án B có suất sinh lời nội bộ (IRR) 16%. Tuy nhiên, nếu chi phí vốn của công ty là 12% dự án B có NPV cao hơn. Câu nào sau đây đúng nhất?
a. Tỷ suất chiết khấu tại đó NPV của hai dự án bằng nhau và nhỏ hơn 12%
b. Giả định đời sống của hai dự án như nhau. Dự án A có quy mô lớn hơn dự án B
c. Giả định quy mô hay dự án như nhau. Dự án A hoàn vốn nhanh hơn dự án B
d. Câu a và b đều đúng
e. Câu b và c đều đúng
14. Dự án rủi ro có thể được đánh giá bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến với lãi suất chiết khấu điều chỉnh rủi ro
a. Đúng **b.Sai**
15. Khoản nào sau đây không phải là dòng tiền phát sinh do quyết định thực hiện dự án?
a. Thay đổi vốn lưu động

- b. Chi phí vận chuyển và lắp đặt
 c. Chi phí chìm
 d. Chi phí cơ hội
 e. Ngoại tác
16. Công ty của bạn đang xem xét một thiết bị có giá mua \$50.000 tại thời điểm 0 và có thể được bán sau 3 năm với giá \$10.000. \$12.000 phải được đầu tư tại năm 0 vào hàng tồn kho và khoản phải thu; toàn bộ khoản vốn này được thu hồi khi dự án kết thúc hoạt động vào cuối năm 3. Thiết bị này sẽ tạo ra doanh thu \$50.000/năm trong 3 năm chi phí hoạt động biến đổi sẽ là 40% doanh thu, không có chi phí hoạt động cố định ngoại trừ khấu hao. Dòng tiền hoạt động sẽ bắt đầu có được vào năm 1. Khấu hao thiết bị lần lượt như sau: \$40.000 ; \$5.000 và \$5.000 tương ứng các năm 1, 2, 3. Thuế suất thuế thu nhập 40% nếu lợi nhuận của dự án âm, công ty sẽ được hoàn thuế thu nhập, và chi phí vốn là 15%. Không có lạm phát. NPV của dự án là bao nhiêu?
 a. \$7.673,71 b. \$12.451,75 c. \$17.434,84 d. \$24.949,67
 e. \$32.784,25
17. Câu nào sau đây đúng nhất?
 a. Công ty có đòn bẩy tài chính có số nhân VCSH cao hơn một công ty hoàn toàn tương tự nhưng không sử dụng nợ
 b. Việc sử dụng nợ trong cấu trúc vốn của công ty mang lại lợi ích thuế cho các nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu của công ty
 c. Những cái khác như nhau, công ty có tỷ lệ nợ cao hơn sẽ có tỷ lệ sức sinh lời cơ bản cao hơn.
 d. Tất cả các câu trên đều đúng
 e. Câu a và c đúng
18. Một công ty có tỷ lệ lãi ròng (profit margin) là 15% và doanh thu là \$20.000.000. Nếu công ty có khoản nợ là \$2.500.000. Tổng tài sản là \$ 22.500.000 và chi phí lãi vay sau thuế là 5%, ROA của công ty là bao nhiêu?
 a. 8,4% b. 10,9% c. 12,0% **d. 13,3%** e. 15,1%
19. Công ty Cleveland có 100.000 cổ phiếu thường đang lưu hành. Lãi ròng là \$750.000 là P/E = 8. Giá cổ phiếu của công ty là bao nhiêu?
 a. \$20,00 b. \$30,00 c. \$40,00 d. \$50,00 **e. \$60,00**
20. Công ty Rush hiện tại có khoản phải thu là \$1.000.000. Kỳ thu tiền bình quân (DSO) là 50 ngày (một năm 365 ngày). Công ty muốn giảm DSO xuống bằng mức trung bình ngành là 32 ngày bằng cách gây áp lực hơn nữa cho khách hàng trả nợ đúng hạn. CEO của công ty dự tính rằng nếu chính sách được thi hành, doanh thu bình quân của công ty sẽ giảm 10%. Giả định rằng, công ty thực hiện thay đổi này và thành công trong việc giảm DSO xuống còn 32 ngày và mất đi 10% doanh thu, khoản phải thu khách hàng sau khi thay đổi là bao nhiêu?
 a. **\$576.000** b. \$676.667 c. \$776.000 d. \$990.000 e. \$976.667
 $DT = 7.300.000 \Rightarrow DT' = 6.636.636,6 \Rightarrow PT = \sim 576000$
21. Giả định công ty Meyer được tài trợ hoàn toàn tổng vốn chủ sở hữu, tính tỷ suất lợi nhuận trên vốn (ROE) dựa vào những thông tin sau:
 (1) Lợi nhuận trước thuế = \$1.500
 (2) Doanh thu = \$5.000
 (3) Tỷ lệ chia cổ tức = 60%

(4) Vòng quay tổng tài sản = 2

(5) thuế suất thuế thu nhập = 30%

a. 25% b. 30% c. 35% **d. 42%** e. 50%

=> LR = 1500 * 0,7 = 1050 → ROE = LR/DT * VQTS = 42%

22. Bảng cân đối kế toán, và báo cáo thu nhập của XYZ được cho dưới đây:

Tiền mặt	50	Phải trả người bán	100
Phải thu khách hàng	150	Vay ngắn hạn	0
Hàng tồn kho	350	Nợ dài hạn (10%)	700
Tài sản cố định	500	Vốn chủ sở hữu (20%) cổ phần	200
Tổng tài sản	\$1.000	Tổng nguồn vốn	\$1.000

Báo cáo thu nhập:

Doanh thu	\$1.000
Giá vốn hàng bán	<u>855</u>
EBIT	\$145
Lãi vay	<u>70</u>
EBT	\$75
Thuế thu nhập (33,33%)	<u>25</u>
Lãi ròng	\$50

Vòng quay hàng tồn kho của ngành là 3 vòng, lãi suất trên nợ dài hạn của Cty là 10%, 20% cổ phần đang lưu hành và cổ phiếu đang được bán với mức P/E = 8. Nếu XYZ thay đổi phương thức tồn kho để đạt được vòng quay hàng tồn kho như trung bình ngành. Nếu công ty dùng khoản ngân quỹ được tạo ra từ sự thay đổi này để trả nợ dài hạn, và nếu doanh thu, giá vốn hàng bán, và tỷ lệ P/E giữ nguyên, ROE sẽ tăng bao nhiêu?

a. 1,5% b. 2% c. 2,75% **d. 3,32%** e. 4%

=> HTK = 333,3

23. Sai lầm trong ước tính doanh thu có thể được bù đắp bởi sai lầm tương tự trong dự toán chi phí và thu nhập. Do đó, nếu sai lầm không lớn tính chính xác của dự báo doanh thu không cần thiết đối với doanh nghiệp.

a. Đúng **b. Sai**

24. Nếu một công ty có vốn CSH dương và tài sản cố định hoạt động ở mức công suất tối đa. Nếu tỷ lệ trả cổ tức là 100% và nếu công ty muốn giữ tất cả các tỷ số không đổi. Khi đó với bất kỳ tỷ lệ tăng trưởng doanh thu dương nào, công ty cũng cần phải huy động vốn thêm từ bên ngoài.

a. Đúng b. Sai

25. Phương pháp dự toán tỷ lệ % doanh thu dựa vào giả định nào sau đây?

a. Tất cả các mục trên bảng cân đối kế toán quan hệ biến động trực tiếp theo doanh thu

b. Hầu hết các khoản mục trên bảng cân đối kế toán quan hệ biến động trực tiếp theo doanh thu

c. Mức tổng tài sản hiện tại thì tối ưu cho mức doanh thu hiện tại

d. Câu a và c đúng

e. Câu b và c đúng

26. Brown và Sons gần đây báo cáo doanh thu là \$100 triệu, và lãi ròng là \$5 triệu. Công ty có \$70 triệu tổng tài sản. Năm tới, công ty dự báo doanh thu tăng 20%. Vì công ty hoạt động ở mức công suất tối đa, tài sản phải tăng cùng tỷ lệ với doanh thu. Công ty cũng dự kiến rằng nếu doanh thu tăng 10%, nợ hoạt động sẽ tăng \$2 triệu. Tỷ lệ lãi ròng giữ nguyên như mức hiện tại. Tỷ lệ chia cổ tức của công ty là 40%. Dựa vào công thức AFN, vốn cần phải huy động thêm là bao nhiêu?

a. \$2 triệu b. \$6 triệu c. \$8,4 triệu **d. \$9,6 triệu** e. \$14 triệu

27. Nếu điều khoản tín dụng của công ty là 2/10, net 30 ngày, và kỳ thu tiền bình quân (DSO) là 28 ngày. Chúng ta có thể chắc chắn rằng bộ phận tín dụng đã hoạt động rất hiệu quả và tỷ lệ nợ quá hạn rất nhỏ.

a. Đúng

b. Sai

28. Công ty Cook Country có tuổi trung bình của khoản phải thu là 60 ngày, tuổi trung bình khoản phải trả là 45 ngày, và tuổi trung bình của hàng tồn kho là 72 ngày. Một năm có 365 ngày, chu kỳ ngân quỹ (cash conversion cycle) của công ty là bao nhiêu?

a. 87 ngày b. 90 ngày c. 65 ngày d. 48 ngày e. 66 ngày

29. Bình quân một công ty bán \$2.000.000 hàng hóa mỗi tháng. Công ty luôn giữ hàng tồn kho bằng một nửa doanh thu hàng tháng. Chu kỳ luân chuyển hàng tồn kho của công ty là bao nhiêu, một năm 365 ngày?

a. 365 ngày b. 182,5 ngày c. 50,3 ngày **d. 15,2 ngày** e. 10,5 ngày

30. Công ty ABC đang mở rộng và cần nguồn tài trợ. Công ty mua hàng từ một người cung cấp duy nhất theo điều khoản 1/10, net 20 ngày, và hiện tại đang nhận chiết khấu, một cách để có được nguồn ngân quỹ cần thiết là bỏ qua chiết khấu và chủ công ty tin bằng cô ấy có thể trì hoãn việc trả nợ đến 40 ngày (trả vào ngày thứ 40) mà không bị tác động xấu. Lãi suất thực tế của việc kéo dài khoản phải trả là bao nhiêu?

a. 10% b. 11,11% c. 11,75% d. 12,29% **e. 13,01%**

Đề số 3:

Phần I : Lý thuyết

Câu 1 : (1,5 điểm) Lựa chọn phương án đúng nhất cho các câu sau:

1. Khi mua một TSCĐ về dùng cho hoạt động kinh doanh:

- a. Tổng Nguyên giá TSCĐ không thay đổi, mức trích khấu hao tăng
- b. Tổng Nguyên giá TSCĐ tăng, mức trích khấu hao không thay đổi
- c. Tổng Nguyên giá TSCĐ và mức trích khấu hao đều tăng
- d. Tất cả đáp án trên đều sai

2. Mối giữa rủi ro và lợi nhuận là:

- a. Rủi ro càng lớn lợi nhuận càng cao
- b. Rủi ro càng nhỏ lợi nhuận càng cao
- c. Rủi ro càng lớn lợi nhuận kỳ vọng càng cao
- d. Rủi ro càng lớn lợi nhuận sau thuế càng cao

3. Tốc độ luân chuyển vốn lưu động được biểu hiện bằng chỉ tiêu nào:

- a. Số lần luân chuyển vốn lưu động
- b. Kỳ luân chuyển vốn lưu động
- c. Mức tiết kiệm vốn lưu động do tăng tốc luân chuyển vốn
- d. Cả a và b

4. Chi phí kinh doanh của doanh nghiệp gồm:

- a. Chi phí sản xuất kinh doanh và chi phí khác
- b. Chi phí sản xuất kinh doanh và chi phí hoạt động tài chính
- c. Chi phí hoạt động tài chính và chi phí khác
- d. Tất cả các đáp án trên đều sai

5. Giá tính thuế GTGT của hàng hoá chịu thuế TTĐB là giá:

- a. Chưa có thuế TTĐB
- b. Chưa có Thuế TTĐB và chưa có thuế GTGT
- c. Đã có thuế TTĐB và chưa có thuế GTGT
- d. Đã có thuế TTĐB và chưa có thuế GTGT

6. Việc phân loại TSCĐ thành TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình thuộc về cách phân loại TSCĐ:

- a. Theo mục đích sử dụng
- b. Theo tình hình sử dụng
- c. Theo hình thái biểu hiện và công dụng kinh tế

d. Tất cả các đáp án trên đều sai

Câu 2: (1,5 điểm) Hãy trả lời đúng, sai và giải thích các trường hợp sau:

1. Trong doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, chi tiêu doanh thu bao gồm thuế GTGT đầu ra

2. Khi mua một TSCĐ về dùng cho hoạt động phúc lợi thì tổng Nguyên giá TSCĐ không thay đổi, mức trích khấu hao trong kỳ tăng

3. TSCĐ có nguyên giá 240 triệu đồng dự định sử dụng trong 5 năm, thực hiện khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh thì mức khấu hao lũy kế đến năm thứ 3 là 212,67

4. Tiền lương của quản đốc phân xưởng tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp

5. Chi phí tân trang lại TSCĐ trước khi nhượng bán được tính vào chi phí bán hàng

6. Doanh nghiệp tiến hành sửa chữa lớn một TSCĐ có nguyên giá 345 triệu đồng, chi phí GTGT theo phương pháp khấu trừ. Vậy nguyên giá TSCĐ này sau khi sửa chữa là 360 triệu đồng

Phần II: Bài tập (7 điểm)

Bài 1: (3,5 điểm) Doanh nghiệp “ X” có tài liệu như sau: (đơn vị: triệu đồng)

A. Tài liệu năm báo cáo :

- Số dư vốn lưu động bình quân các quý là: 2695, 2770, 2850, 2755
- Năm báo cáo chỉ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm A. Tổng doanh thu thuần : 12150
- Số lượng sản phẩm kết dư cuối năm là 135

B. Năm kế hoạch:

Dự kiến tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm như sau:

1.Sản phẩm A:

- Số lượng sản phẩm sản xuất 3420 SP. Số lượng sản phẩm kết dư cuối kỳ 110 SP
- Giá bán đơn vị sản phẩm(không VAT) là 6,24
- Giá thành sản xuất đơn vị sản phẩm là 4,4 (tăng 10% so với năm báo cáo). CPBH và CPQLDN đều bằng 5% giá thành SX của số sản phẩm tiêu thụ trong kỳ

2. SP khác: Tổng doanh thu thuần là 2780: Tổng giá thành toàn bộ là 1350

3. Số ngày luân chuyển bình quân VLĐ rút ngắn 10 ngày so với năm báo cáo

Yêu cầu : 1. Tính tổng số thuế phải nộp năm kế hoạch

2. Tính vốn lưu động bình quân năm kế hoạch

Biết rằng: SP A chịu thuế TTĐB với thuế suất 20%, tất cả các SP đều chịu thuế GTGT (theo phương pháp khấu trừ) thuế suất 10%. Thuế suất thuế TNDN là 25%. VAT đầu vào được khấu trừ là 1200.

Bài 2 (2,5 điểm) Doanh nghiệp X có tài liệu sau (Đơn vị : 100.000 đồng)

A. Tài liệu đầu năm kế hoạch:

Tổng nguyên giá TSCĐ: 7.500 (trong đó TSCĐ không phải trích khấu hao có nguyên giá 540). Số khấu hao lũy kế 2.400

B. Năm kế hoạch: Tình hình biến động TSCĐ trong năm dự kiến như sau:

- Tháng 4: Khánh thành bàn giao một TSCĐ nguyên giá 240
 - Tháng 7: Thanh lý một TSCĐ nguyên giá 240 (đã hết hạn sử dụng từ cuối năm báo cáo)
 - Tháng 9: Nhượng bán một TSCĐ nguyên giá 360, đã khấu hao được 30%
- Tỷ lệ khấu hao tổng hợp bình quân là 10%

Yêu cầu : Tính vốn cố định bình quân năm kế hoạch

Bài số 3: (1 điểm) Doanh nghiệp có tài liệu sau trong năm báo cáo: (Đơn vị: triệu đồng)

1. Số tiền khấu hao trích trong tháng 9 năm báo cáo là 45
2. Trong quý 4 năm báo cáo:
 - Tháng 10: Nhượng bán một TSCĐ nguyên giá 180. $T_{kh} = 8\%$, đã khấu hao được 20%
 - Tháng 11: Mua một TSCĐ nguyên giá 312, $T_{kh} = 10\%$

Yêu cầu: Tính tổng số tiền khấu hao trích trong quý 4 năm báo cáo